

CÔNG ƯỚC LIÊN HỢP QUỐC
VỀ CHỐNG BUÔN BÁN BẤT HỢP PHÁP
CÁC CHẤT MA TUÝ VÀ CHẤT HƯƠNG THẦN NĂM 1988

(Hội nghị thông qua tại phiên họp toàn thể lần thứ 6 ngày 19/12/1988)

Các bên của Công ước này

Lo ngại sâu sắc vì quy mô và xu hướng ngày càng tăng trong việc sản xuất, nhu cầu tiêu thụ và buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hương thần đang đe dọa nghiêm trọng sức khoẻ và hạnh phúc của con người, và ảnh hưởng bất lợi đối với nền kinh tế, văn hoá, chính trị của xã hội.

Cũng rất lo ngại sâu sắc vì hoạt động buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hương thần đang ngày càng thâm nhập sâu hơn vào các tầng lớp xã hội khác nhau, đặc biệt khi mà ở nhiều nơi trên thế giới, trẻ em đang là một thị trường tiêu thụ ma túy bất hợp pháp được sử dụng vào mục đích sản xuất, cung cấp và buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hương thần kéo theo mối nguy hiểm nghiêm trọng không thể lường hết được.

Thừa nhận một liên kết giữa buôn bán bất hợp pháp ma túy và những hoạt động phạm tội có tổ chức liên quan khác đang phá hoại nền kinh tế hợp pháp và đe dọa sự ổn định, an ninh và chủ quyền của các quốc gia.

Cũng thừa nhận rằng buôn bán bất hợp pháp ma túy là hoạt động phạm tội có tính chất quốc tế và việc trấn áp hoạt động phạm tội này đòi hỏi phải được ưu tiên và quan tâm hàng đầu.

Nhận thức rằng việc buôn bán bất hợp pháp ma túy mang lại lợi nhuận rất cao, tạo điều kiện cho các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia thâm nhập, làm ô nhiễm và phá hoại cơ cấu bộ máy Chính phủ, hoạt động tài chính và thương mại hợp pháp, phá hoại xã hội ở mọi cấp độ. Quyết tâm tịch thu của những người tham gia vào việc buôn bán bất hợp pháp những lợi nhuận có được từ những hoạt động phạm tội của họ và theo đó loại bỏ động cơ tiếp tục hoạt động phạm tội để thu lợi nhuận;

Mong muốn xoá bỏ tận gốc vấn đề lạm dụng ma túy và các chất hương thần bao gồm cả nhu cầu sử dụng bất hợp pháp các chất này và nguồn lợi nhuận to lớn thu được qua những hoạt động buôn bán bất hợp pháp các chất đó;

Xét thấy rằng cần phải có những biện pháp để kiểm soát một số chất trong đó các tiền chất, các hoá chất và chất dung môi được dùng để sản xuất bất hợp pháp các chất ma túy và chất hương thần, tính sẵn có của chúng đã dẫn đến việc sản xuất lén lút các chất ma túy và chất hương thần.

Quyết tâm tăng cường sự hợp tác quốc tế trong việc trấn áp hoạt động buôn bán bất hợp pháp qua đường biên;

Thừa nhận rằng việc loại trừ những hoạt động buôn bán bất hợp pháp là trách nhiệm chung của tất cả các quốc gia, để đạt được mục tiêu đó những hoạt động trong khuôn khổ hợp tác quốc tế là cần thiết;

Thừa nhận thẩm quyền của Liên hợp quốc trong lĩnh vực kiểm soát ma túy và các chất hướng thần và mong muốn các tổ chức quốc tế liên quan đến vấn đề kiểm soát ma túy sẽ nằm trong phạm vi hoạt động của Liên hợp quốc;

Khẳng định lại những nguyên tắc cơ bản trong các điều ước hiện hành liên quan đến việc kiểm soát các chất ma túy và các chất hướng thần và hệ thống kiểm soát được quy định trong những hiệp định đó;

Thừa nhận sự cần thiết phải tăng cường và bổ sung những biện pháp quy định trong Công ước thống nhất về các chất ma túy 1961, Công ước này đã được sửa đổi phù hợp với Nghị định thư 1972 và Công ước về các chất hướng thần 1971 nhằm hạn chế quy mô và mức độ của việc buôn bán bất hợp pháp ma túy cũng như hậu quả nghiêm trọng của chúng.

Cũng nhận thấy được tầm quan trọng của việc củng cố và tăng cường các phương tiện pháp lý có hiệu quả về hợp tác quốc tế trong các vấn đề hình sự nhằm trấn áp hoạt động phạm tội quốc tế như buôn bán bất hợp pháp ma túy;

Mong muốn ký kết một Công ước quốc tế mang tính toàn diện, hiệu quả và có hiệu lực một Công ước được chỉ rõ là chống hoạt động buôn bán bất hợp pháp ma túy và xem xét những khía cạnh khác nhau của toàn bộ vấn đề, đặc biệt là những điểm chưa được quy định trong các điều ước hiện hành liên quan đến việc kiểm soát các chất ma túy và chất hướng thần, từ đó đã thoả thuận như sau:

Điều 1. Định nghĩa

Trừ những trường hợp đã được chỉ rõ hoặc do nội dung đòi hỏi phải hiểu khác, những định nghĩa sau đây được sử dụng trong toàn bộ Công ước:

a) “Ban” nghĩa là Ban kiểm soát ma túy quốc tế được quy định trong Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961 và đã được sửa đổi theo Nghị định thư năm 1972 về sửa đổi Công ước thống nhất các chất ma túy 1961.

b) “Cây cần sa” có nghĩa là các loại cây nào thuộc chi Cannabis;

c) “Cây coca” có nghĩa là cây thuộc bất kỳ loại nào thuộc chi Erythroxylon;

d) “Người buôn bán” nghĩa là bất kỳ người nào tổ chức công cộng hoặc tư nhân hoặc bất kỳ thức thể nào khác dính líu đến người vận chuyển, hàng hoá hoặc thư từ để được trả công cho thuê hoặc bất kỳ lợi nhuận nào khác;

e) “Ủy ban” nghĩa là Ủy ban về các chất ma túy của Hội đồng kinh tế - xã hội của Liên hợp quốc;

f) “Tịch thu” trong đó bao gồm cả trưng thu có nghĩa là tước đoạt vĩnh viễn tài sản theo quyết định của Toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền;

g) “Việc chuyên giao có kiểm soát” có nghĩa là biện pháp cho phép vận chuyển trái phép hoặc có nghi ngờ các chuyên hàng chở chất ma túy, chất hướng thần, các chất quy định trong Bảng I và II Công ước này hoặc các chất thay thế các chất đó được chuyển qua hay vào lãnh thổ của một hay nhiều nước có thông báo và sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền, nhằm xác định những người liên quan có hành vi phạm tội theo khoản 1 Điều 3 Công ước này.

h) “Công ước 1961” có nghĩa là Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961;

i) “Công ước 1961 sửa đổi” có nghĩa là Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961 đã được sửa đổi theo Nghị định thư năm 1972;

i) “Công ước 1971” có nghĩa là Hội đồng kinh tế - xã hội của Liên hợp quốc;

l) “Ngăn chặn” hoặc “bắt giữ” có nghĩa là tạm thời ngăn cấm việc chuyên giao trao đổi, chuyên nhượng hoặc di chuyển tài sản hoặc tạm thời thu giữ hoặc kiểm soát những tài sản theo quyết định của Tòa án hoặc một cơ quan có thẩm quyền;

m) “Buôn bán bất hợp pháp” có nghĩa là phạm tội theo các khoản 1 và 2 Điều 3 Công ước này;

n) “Ma túy” có nghĩa là bất kỳ các chất tự nhiên hay tổng hợp quy định trong các phụ lục I và II của Công ước thống nhất về các chất ma túy năm 1961 và trong Công ước 1961 đã sửa đổi theo Nghị định thư 1972;

o) “Cây thuốc phiện” có nghĩa là cây thuộc loại *papaver somniferum*. L;

p) “Thu nhập” có nghĩa là bất kỳ tài sản gì có hoặc thu được trực tiếp hay gián tiếp hoặc từ tiền hoa hồng của các hoạt động phạm tội theo quy định của khoản 1 Điều 3;

g) “Tài sản” có nghĩa là tài sản dưới mọi hình thức hữu hình hay vô hình, động sản hay bất động sản, vật chất hay phi vật chất, và cả những tài liệu hoặc văn bản pháp lý chứng nhận quyền sở hữu hoặc có quyền lợi trong tài sản đó;

r) “Các chất hướng thần” có nghĩa là bất kỳ chất tự nhiên hay tổng hợp nào hoặc bất kỳ nguyên liệu tự nhiên nào trong các Bảng I, II, III và IV của Công ước về các chất hướng thần năm 1971;

s) “Tổng thư ký” có nghĩa là Tổng thư ký Liên hợp quốc;

t) “Bảng I” và “Bảng II” có nghĩa là danh mục liệt kê các chất trong phụ lục của Công ước này và sẽ được bổ sung thường xuyên theo quy định của Điều 12;

u) “Nước quá cảnh” có nghĩa là một quốc gia được sử dụng là nơi trung chuyển các chất ma túy hoặc các chất quy định trong các Bảng I và Bảng II qua lãnh thổ nước đó mà không phải là nơi xuất phát và cũng không phải là nơi nhập hàng.

Điều 2. Phạm vi của Công ước

1. Mục đích của Công ước này là thúc đẩy sự hợp tác giữa các bên của Công ước để họ có thể giải quyết có hiệu quả những khía cạnh khác nhau của hoạt động buôn bán bất hợp pháp có quy mô quốc tế các chất ma túy và các chất hướng thần. Khi thực hiện những nghĩa vụ của mình theo quy định và Công ước, các bên sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết kể cả biện pháp mang tính pháp lý và hành chính phù hợp với những quy định cơ bản của hệ thống pháp luật nước mình.

2. Các bên thực hiện nghĩa vụ của mình theo Công ước này theo cách thức tuân theo nguyên tắc bình đẳng, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia và nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia khác.

3. Một bên không được thực hiện trên lãnh thổ của bên khác quyền tài phán và các chức năng chỉ dành riêng cho các cơ quan có thẩm quyền của bên khác theo quy định nội luật của họ.

Điều 3. Tội phạm và hình phạt

1. Theo nội luật của mình, mỗi bên của Công ước sẽ áp dụng những biện pháp cần thiết để coi là tội phạm hình sự những hành vi dưới đây nếu chúng được cố ý thực hiện:

a) i) Sản xuất, điều chế, chiết xuất, pha chế, chào hàng, phân phối, bán, trao đổi dưới bất cứ hình thức nào như môi giới, gửi, quá cảnh, vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu ma túy và các chất hướng thần trái với các quy định của Công ước 1961, Công ước 1961 sửa đổi hoặc Công ước 1971;

ii) Trồng cây thuốc phiện, cây coca hay cây cần sa với mục đích sản xuất trái phép ma túy, trái phép với các quy định của Công ước 1961 và Công ước 1961 sửa đổi;

iii) Tàng trữ hoặc mua bán bất kỳ chất ma túy hoặc chất hướng thần nào với mục đích thực hiện bất kỳ hoạt động nào quy định tại điểm (i) nói trên;

iv) Điều chế, vận chuyển hay cung cấp phương tiện, nguyên liệu hoặc các chất trong các Bảng I và Bảng II mà biết rõ những chất đó được sử dụng để trồng trọt, sản xuất, điều chế trái phép các chất ma túy hoặc các chất hướng thần;

v) Tổ chức, chỉ đạo hoặc tài trợ cho bất kỳ hành động phạm tội nào quy định tại các điểm (i), (ii), (iii) hoặc (iv) nói trên;

b) i) Chuyển đổi hoặc chuyển giao tài sản khi biết rằng tài sản đó thu được từ bất kỳ hành vi phạm tội nào được quy định tại điểm (a) của khoản này hoặc từ việc tham gia vào hoạt động phạm tội đó với mục đích che giấu hoặc ngụy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc giúp bất kỳ người nào có

dính lú vào hành vi phạm tội như vậy trốn tránh trách nhiệm hình sự của hành vi đó;

ii) Che giấu hoặc ngụy trang bản chất thực sự nguồn gốc, địa điểm, chuyên nhượng, chuyên quyền sở hữu tài sản mà biết rõ tài sản đó thu được từ hoạt động phạm tội đã được quy định tại điểm (a) được quy định tại điểm này;

c) Dựa theo những quy định của Hiến pháp và những khái niệm cơ bản của hệ thống pháp luật của từng nước;

i) Việc có được sở hữu, hoặc sử dụng tài sản mà vào thời điểm đó biết rõ đây là tài sản do phạm tội quy định tại điểm (a) khoản này hoặc do tham gia vào những hoạt động phạm tội đó mà có;

ii) Tàng trữ những phương tiện, nguyên liệu hoặc các chất liệt kê trong Bảng I và Bảng II mà biết rõ những thứ đó đang hoặc sẽ được sử dụng trái phép cho các mục đích trồng, sản xuất hoặc điều chế các chất ma túy và các chất hướng thần;

iii) Bằng mọi cách kích động hoặc xúi giục người khác phạm tội quy định tại Điều này hoặc sử dụng trái phép các chất ma túy và các chất hướng thần;

iv) Tham gia, cấu kết hoặc có âm mưu phạm các tội quy định tại Điều này, cũng như có hành vi giúp sức, xúc giục, thúc đẩy hoặc dụ dỗ người khác phạm bất kỳ tội nào quy định tại Điều này.

2. Dựa theo những quy định của Hiến pháp và những khái niệm cơ bản của hệ thống pháp luật của mình, mỗi bên có những biện pháp cần thiết để coi là tội phạm hình sự theo luật riêng của mình, khi hành vi đó là cố ý sử dụng, tàng trữ hoặc trồng các loại cây có chất ma túy hoặc chất hướng thần phục vụ cho mục đích cá nhân trái với những quy định của Công ước 1961, Công ước 1961 sửa đổi hoặc Công ước 1971.

3. Ý thức, ý định hoặc mục đích được coi như một yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại Khoản 1 Điều này có thể xác minh bằng những hoàn cảnh thực tế khách quan.

4. (a) Mỗi bên căn cứ vào tính chất nghiêm trọng của các tội quy định tại Khoản 1 Điều này mà đặt ra những hình phạt tương ứng như tù giam hoặc các hình thức tước quyền tự do khác, phạt tiền và tịch thu tài sản;

b) Các bên có thể quy định bổ sung cho việc kết án hoặc hình phạt đối với người phạm các tội quy định tại khoản 1 của Điều này, các biện pháp như cai nghiện, giáo dục, chăm sóc sau điều trị phục hồi tái hoà nhập vào xã hội.

c) Mặc dù đã có quy định ở các khoản trước, đối với những vụ ít nghiêm trọng, các bên có thể không kết án hoặc không áp dụng hình phạt mà thay bằng các biện pháp giáo dục phục hồi hoặc tái hoà nhập vào xã hội cai nghiện và chăm sóc sau khi điều trị, cũng như người phạm tội là người nghiện ma túy.

d) Các bên có thể thay việc kết án hoặc thay hình phạt hoặc có thể quy định bổ sung cho việc kết án hoặc hình phạt đối với người phạm tội được quy

định tại khoản 2 điều này các biện pháp cai nghiện, giáo dục, chăm sóc sau khi điều trị phục hồi hoặc tái hoà nhập vào xã hội.

5. Các bên bảo đảm rằng Toà án và các cơ quan có thẩm quyền khác có thể xem xét những tình tiết sau đây là tình tiết nặng đối với các tội quy định tại khoản 1 Điều này.

a) Việc tham gia hành vi phạm tội của một nhóm tội phạm có tổ chức mà kẻ phạm tội là một thành viên;

b) Việc kẻ phạm tội tham gia vào những hoạt động phạm tội có tổ chức mang tính chất quốc tế khác;

c) Việc kẻ phạm tội tham gia vào những hoạt động bất hợp pháp khác được tạo điều kiện bởi hành vi phạm tội;

d) Việc kẻ phạm tội sử dụng vũ lực hoặc vũ khí;

e) Trên thực tế, kẻ phạm tội là người có chức vụ và đã lợi dụng chức vụ đó để phạm tội;

f) Lôi kéo hoặc sử dụng người chưa thành niên để phạm tội;

g) Phạm tội trong trại giam hoặc trong cơ sở giáo dục hoặc cơ sở dịch vụ xã hội hoặc trong vùng lân cận hoặc ở những nơi học sinh và sinh viên đến để chơi, thể thao, học hành và các hoạt động xã hội khác;

h) Bị kết án trước đó đặc biệt đối với những hành vi phạm tội tương tự dù ở trong nước hay nước ngoài, trong phạm vi mà luật hiện hành của mỗi bên cho phép.

6. Các bên cố gắng theo pháp luật của mình bảo đảm sử dụng bất kỳ quyền lực pháp lý nào liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều này để các biện pháp bảo vệ pháp luật có hiệu quả cao nhất đối với các tội phạm này và có tác dụng ngăn chặn các tội phạm đó.

7. Các bên bảo đảm rằng toà án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác phải căn cứ vào tính chất nghiêm trọng của các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều này và các tình tiết quy định tại Khoản 5 Điều này khi xem xét việc phóng thích trước thời gian hoặc phóng thích có điều kiện những người bị kết án về các tội nói trên.

8. Mỗi bên quy định trong trường hợp cần thiết một thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thích hợp đối với bất kỳ tội phạm nào quy định tại Khoản 1 Điều này và một thời hiệu dài hơn nếu người bị coi là phạm tội đã trốn tránh pháp luật.

9. Mỗi bên thực hiện những biện pháp phù hợp với pháp luật của mình để bảo đảm khi một người bị truy cứu hoặc bị kết án về một tội quy định tại khoản 1 điều này đang ở trên lãnh thổ của mình phải có mặt khi cần thiết trong tố tụng hình sự.

10. Với mục đích hợp tác giữa các bên theo Công ước này, đặc biệt là sự hợp tác theo các Điều 5, 6, 7 và 9, thì các tội phạm quy định tại các điều này không được coi là tội phạm tài chính hoặc tội phạm chính trị hoặc tội phạm có động cơ chính trị, không gây tổn hại đến các chế định của Hiến pháp và các đạo luật cơ bản của các bên.

11. Quy định của Điều này hoàn toàn không ảnh hưởng đến nguyên tắc là việc xác định các tội phạm nói trong Điều này thuộc thẩm quyền của nội luật mỗi bên, và việc truy cứu trách nhiệm hình sự và xử phạt những tội này cũng phải tuân theo pháp luật của mỗi bên.

Điều 4. Quyền tài phán

1. Mỗi bên:

a) Có biện pháp cần thiết để thiết lập quyền tài phán đối với các tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 3, khi:

i) Tội phạm được thực hiện trên lãnh thổ của nước mình;

ii) Tội phạm được thực hiện trên tàu có treo cờ của nước mình hoặc trên máy bay được đăng ký theo luật của nước mình vào thời điểm phạm tội;

b) Có thể đề ra những biện pháp khi cần thiết để thiết lập quyền tài phán đối với các tội phạm được quy định tại Khoản 1 Điều 3, khi:

i) Người phạm tội là công dân nước mình hoặc là người đang thường trú trên lãnh thổ của nước mình;

ii) Tội phạm được thực hiện trên tàu mà nước mình được phép có những hành động thích hợp theo Điều 17 với điều kiện là quyền tài phán này chỉ được thực hiện trên cơ sở những hiệp định hoặc những thoả thuận quy định tại các khoản 4 và 9 Điều này;

iii) Tội phạm thuộc một trong những hành vi quy định tại khoản 1, điểm (c) (iv) Điều 3 và được thực hiện ngoài lãnh thổ của nước mình với ý định sẽ phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 3 trên lãnh thổ của nước này.

2. Mỗi bên:

a) Thực hiện các biện pháp khi cần thiết để thiết lập quyền tài phán đối với các tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 3, khi một người được coi là phạm tội đang có mặt trên lãnh thổ của nước mình và sẽ không dẫn độ người đó cho nước khác vì lý do:

i) Tội phạm được thực hiện trên lãnh thổ của nước mình hoặc trên tàu có treo cờ nước mình hoặc trên máy bay được đăng ký theo luật của nước mình vào thời điểm phạm tội;

ii) Người phạm tội là công dân của nước mình;

b) Cũng có thể thực hiện các biện pháp khi cần thiết để thiết lập quyền tài phán đối với các tội phạm được quy định tại Khoản 1 Điều 3, khi một người bị

coi là tội phạm hiện đang có mặt trên lãnh thổ của nước mình và sẽ không dẫn độ người này cho nước khác.

3. Công ước này không loại trừ việc thi hành bất kỳ quyền tài phán hình sự nào theo pháp luật của mỗi nước.

Điều 5. Tịch thu tài sản

1. Mỗi bên áp dụng những biện pháp khi cần thiết để tiến hành tịch thu:

a) Những khoản thu nhập có được do phạm các tội quy định tại khoản 1 Điều 3 hoặc tài sản có giá trị tương đương với những thu nhập đó;

b) Các chất ma túy và các chất hướng thần, nguyên liệu và thiết bị hoặc những công cụ khác được sử dụng hoặc có ý định sử dụng bằng bất kỳ cách nào khi phạm các tội quy định tại khoản 1 Điều 3.

2. Mỗi bên áp dụng những biện pháp khi cần thiết để các cơ quan có thẩm quyền có thể xác định, làm rõ và ngăn chặn hoặc thu giữ các thu nhập, tài sản, công cụ hoặc bất kỳ vật gì đã nêu trong khoản 1 Điều này với mục đích tịch thu tài sản phạm tội.

3. Để thực hiện được những biện pháp trong Điều này, mỗi bên uỷ quyền cho Toà án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác ra quyết định về việc xuất trình hoặc thu giữ những hồ sơ, chứng từ về ngân hàng, tài chính, thương mại. Mỗi bên không được từ chối thực hiện quy định của khoản này vì lý do bí mật ngân hàng.

4. (a) Khi một bên có quyền tài phán đối với tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 có yêu cầu liên quan đến Điều này với một bên khác nơi có các khoản thu nhập, tài sản, công cụ hoặc bất kỳ vật gì nêu tại khoản 1 Điều này, thì bên được yêu cầu sẽ:

i) Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tịch thu và nêu quyết định đó đã được ban hành thì tiến hành thực hiện quyết định đó, hoặc;

ii) Trình các cơ quan có thẩm quyền quyết định về tịch thu do bên yêu cầu ban hành theo khoản 1 Điều này nhằm thực hiện quyết định tịch thu tài sản, thu nhập, công cụ hoặc bất kỳ vật gì như quy định tại khoản 1 nằm trên lãnh thổ của bên được yêu cầu.

b) Khi một bên có quyền tài phán đối với tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 có yêu cầu liên quan đến Điều này, thì bên được yêu cầu thực hiện những biện pháp để xác định, làm rõ và ngăn chặn hoặc thu giữ những tài sản, thu nhập, công cụ hoặc bất kỳ vật gì quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện quyết định tịch thu theo quyết định của bên yêu cầu phù hợp với điểm (a) khoản này.

c) Những quyết định hoặc biện pháp nói trong các điểm (a) (b) của khoản này do bên được yêu cầu thực hiện theo quy định của luật nội địa và những quy định về thủ tục tố tụng hoặc bất kỳ điều ước, hiệp định hoặc thoả thuận song phương hay đa phương mà bên được yêu cầu có quan hệ với bên yêu cầu.

d) Những quy định của các khoản từ 6 đến 19 Điều 7 được áp dụng với những điểm sửa đổi, cần thiết để bổ sung cho những thông tin nói tại khoản 10 Điều 7 trong các yêu cầu đưa ra theo Điều này cần có các nội dung:

i) Trong trường hợp yêu cầu nói tại điểm (a) (i) khoản này bên yêu cầu phải mô tả rõ ràng tài sản cần tịch thu và giải trình đầy đủ để bên được yêu cầu ra quyết định đúng theo luật của họ;

ii) Trong trường hợp yêu cầu nói tại điểm (a) (ii), bên yêu cầu phải có một bản sao quyết định tịch thu chính thức, một bản giải trình rõ ràng và thông tin về phạm vi thi hành quyết định này;

iii) Trong trường hợp yêu cầu nói tại điểm (b), bên yêu cầu phải có một bản giải trình rõ ràng và mô tả chi tiết các biện pháp được đề nghị áp dụng.

e) Mỗi bên phải gửi cho Tổng thư ký nội dung của bất kỳ Bộ luật hoặc quy định nào của mình bảo đảm thực hiện các quy định của khoản này, cũng như nội dung sửa đổi luật hoặc quy định đó.

f) Nếu một bên đưa ra đề nghị thực hiện những biện pháp nêu trong các điểm (a), (b) của khoản này dựa trên cơ sở một hiệp ước có liên quan thì bên đó coi Công ước này là cơ sở pháp lý cần và đủ cho điều ước nói trên.

g) Các bên cố gắng ký kết những hiệp ước, hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương nhằm tăng cường hiệu quả của hợp tác quốc tế để thực hiện Điều này.

5. a) Những tài sản hoặc thu nhập bị tịch thu theo quy định tại các khoản 1 và 4 Điều này được bên tịch thu xử lý theo đúng luật và thủ tục hành chính của mình.

b) Khi thực hiện đề nghị của một bên khác theo đúng Điều này, bên được yêu cầu có thể xem xét khả năng đạt được yêu cầu có thể xem xét khả năng đạt được những thoả thuận về việc:

(i) Đóng góp giá trị của những tài sản và thu nhập hoặc ngân quỹ thu được do bán một phần lớn hoặc toàn bộ thu nhập hoặc tài sản đó vào quỹ của các cơ quan liên Chính phủ chuyên trách đấu tranh chống buôn bán bất hợp pháp và lạm dụng các chất ma tuý, chất hướng thần;

ii) Chia sẻ theo thông lệ hoặc theo từng vụ việc cụ thể với các bên khác những tài sản hoặc thu nhập hay ngân quỹ thu được do bán những tài sản hoặc thu nhập đó theo quy định của pháp luật và các thủ tục hành chính của nước mình hoặc theo sự thoả thuận đạt được giữa hai bên hoặc nhiều bên vì mục đích nói trên.

6. a) Nếu những khoản thu nhập đã được chuyển đổi thành những tài sản khác, thì những biện pháp nói trong Điều này được áp dụng đối với chính những tài sản đó chứ không phải các khoản thu nhập.

b) Nếu những thu nhập đã bị trộn lẫn với những tài sản có nguồn gốc hợp pháp, thì tài sản đó sẽ bị tịch thu với khối lượng tương đương trị giá phần thu

nhập đã lẫn vào tài sản này, mà không ảnh hưởng gì đến thẩm quyền thu giữ hoặc ngăn chặn.

c) Đối với những nguồn thu và lợi nhuận khác thu được từ :

i) Những thu nhập;

ii) Tài sản đã được chuyển đổi hoặc chuyển hoá từ thu nhập;

iii) Tài sản đã bị trộn lẫn với những thu nhập cũng áp dụng các biện pháp nói tại Điều này theo đúng cách thức và mức độ như đối với thu nhập.

7. Mỗi bên có thể xem xét bảo đảm khả năng chuyên nghĩa vụ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của những thu nhập hoặc tài sản khác có yêu cầu phải bị tịch thu ở mức độ phù hợp với các nguyên tắc pháp luật và theo những thủ tục về tư pháp và các thủ tục khác của nước mình.

8. Những quy định của Điều này không được diễn giải để gây hại cho các quyền của bên thứ ba có thiện chí.

9. Điều này không có gì ảnh hưởng đến nguyên tắc là những biện pháp nêu trên được xác định và thi hành trên cơ sở và phù hợp với pháp luật của mỗi bên.

Điều 6. Dẫn độ

1. Điều này áp dụng đối với những tội phạm do các bên quy định phù hợp với khoản 1 Điều 3.

2. Mỗi hành vi phạm tội quy định trong Điều này được coi là một tội phạm có thể bị dẫn độ theo bất kỳ điều ước nào về dẫn độ còn hiệu lực giữa các bên. Các bên phải đưa những hành vi phạm tội có thể bị dẫn độ vào bất kỳ điều ước nào về dẫn độ sẽ ký giữa các bên.

3. Nếu một bên thực hiện việc dẫn độ theo quy định của một điều ước nhận được yêu cầu dẫn độ từ một bên khác chưa có hiệp định dẫn độ, thì có thể coi Công ước này là cơ sở pháp lý để thực hiện việc dẫn độ bất kỳ tội phạm nào mà Điều này áp dụng. Những bên cần có văn bản pháp luật chi tiết để sử dụng Công ước này như cơ sở pháp lý để dẫn độ tội phạm sẽ cân nhắc việc thông qua văn bản pháp luật đó khi cần thiết.

4. Những bên không phải thực hiện việc dẫn độ tội phạm theo quy định của một điều ước sẽ thừa nhận những hành vi phạm tội quy định trong Điều này là những tội phạm có thể được dẫn độ lẫn giữa họ.

5. Việc dẫn độ được tiến hành phù hợp với những điều kiện do pháp luật của bên được yêu cầu dẫn độ hoặc điều ước về dẫn độ quy định, kể cả những căn cứ mà bên được yêu cầu có thể dựa vào để từ chối dẫn độ.

6. Khi xem xét những yêu cầu nhận được theo Điều này, bên được yêu cầu có thể từ chối thực hiện yêu cầu đó nếu có những lý do xác đáng để cho rằng thực hiện yêu cầu này sẽ tạo điều kiện cho việc xét xử hoặc trừng phạt bất kỳ ai

vì lý do nòi giống, tôn giáo, quốc tịch hoặc quan điểm chính trị, hoặc có thể làm thiệt hại cho bất kỳ người nào vì những lý do nói trên.

7. Các bên cố gắng đẩy nhanh thủ tục dẫn độ và đơn giản hoá việc đòi hỏi xuất trình các chứng cứ liên quan đến việc dẫn độ các tội phạm theo Điều này.

8. Căn cứ vào quy định của pháp luật và các điều ước dẫn độ của mình, bên được yêu cầu nếu xét thấy cấp thiết và cũng là đề nghị của bên yêu cầu, thì có thể bắt tạm giam người bị dẫn độ đang ở trên lãnh thổ của mình, hoặc áp dụng những biện pháp thích hợp khác để bảo đảm sự có mặt của người này khi dẫn độ.

9. Sẽ không ảnh hưởng gì đến việc thực hiện quyền tài phán hình sự theo nội luật trong các trường hợp sau đây khi một bên có người bị coi là phạm tội ở trên lãnh thổ nước mình.

a) Nếu họ không dẫn độ người đó vì đã phạm một tội nói tại khoản 1 Điều 3 với những căn cứ nêu ở điểm (a) khoản 2 Điều 4 thì sẽ chuyển vụ án cho các cơ quan có thẩm quyền của mình để truy cứu trách nhiệm hình sự nếu không có thoả thuận khác với bên yêu cầu;

b) Nếu không dẫn độ và quyết định xử lý tội phạm đó theo điểm (b) khoản 2 Điều 4 thì sẽ chuyển vụ án cho các cơ quan có thẩm quyền của mình để truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu bên yêu cầu không có đề nghị khác để giữ quyền tài phán của họ.

10. Nếu việc dẫn độ nhằm mục đích thi hành án không thực hiện được vì người bị dẫn độ là công dân của bên được yêu cầu thì bên được yêu cầu căn cứ vào pháp luật nước mình và theo đề nghị của bên yêu cầu mà xem xét việc thi hành toàn bộ hoặc một phần bản án theo pháp luật của bên yêu cầu.

11. Các bên cố gắng ký kết các hiệp định song phương hoặc đa phương để thực hiện hoặc nâng cao hiệu quả của việc dẫn độ.

12. Các bên có thể xem xét khả năng ký kết các hiệp định song phương hoặc đa phương mang tính chất chung hay riêng về việc chuyển những người đã bị kết án tù hoặc các án tước tự do khác về các tội phạm áp dụng theo Điều này cho nước của họ để chấp hành hình phạt.

Điều 7. *Tương trợ tư pháp*

1. Theo Điều này các bên sẽ dành cho nhau sự tương trợ tư pháp rộng rãi nhất trong việc điều tra, truy tố và xét xử các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 3.

2. Theo Điều này, việc tương trợ tư pháp có thể nhằm những mục đích sau:

- a) Thu thập chứng cứ hoặc lời khai;
- b) Tìm hiểu hồ sơ vụ án;
- c) Tiến hành việc khám xét và bắt giữ;

d) Kiểm tra đồ vật và các địa điểm;

e) Cung cấp thông tin và các vật chứng;

f) Cung cấp các bản gốc hoặc bản sao có chứng thực của những tư liệu và tư liệu liên quan kể cả những dữ liệu về ngân hàng, tài chính, công ty hoặc hồ sơ kinh doanh;

g) Xác định hoặc làm rõ những thu thập, tài sản, công cụ hoặc các đồ vật khác nhằm mục đích chứng minh.

3. Các bên có thể dành cho nhau bất kỳ những hình thức tương trợ tư pháp nào khác mà pháp luật của bên được yêu cầu cho phép.

4. Theo đề nghị, các bên tạo điều kiện trong chừng mực pháp luật và thực tiễn nước mình cho phép, để những người, kể cả người đang bị bắt giữ đồng ý giúp công tác điều tra hoặc tham gia vào việc xét xử vụ án.

5. Theo Điều này, mỗi bên không được từ chối việc tương trợ tư pháp vì lý do bí mật ngân hàng.

6. Những quy định của Điều này không ảnh hưởng đến các nghĩa vụ trong các điều ước song phương hoặc đa phương liên quan toàn bộ hay một phần đến việc tương trợ tư pháp đối với các vụ án hình sự.

7. Các khoản từ 8 đến 19 Điều này được áp dụng đối với những yêu cầu đặt ra theo Điều này khi các bên liên quan không bị ràng buộc bởi một điều ước tương trợ tư pháp nào. Nếu các bên bị ràng buộc bởi một điều ước như vậy thì những quy định tương ứng trong điều ước đó sẽ được áp dụng trừ khi các bên nhất trí áp dụng các khoản từ 8 đến 19 Điều này để thay thế.

8. Các bên chỉ định một hoặc nhiều cơ quan có trách nhiệm và thẩm quyền thực hiện những yêu cầu về tương trợ tư pháp hoặc chuyển những yêu cầu đó cho các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện. Tổng thư ký liên hợp quốc sẽ được thông báo về một hoặc nhiều cơ quan có thẩm quyền làm việc này. Việc chuyển yêu cầu về tương trợ tư pháp và mọi thông tin liên quan do các cơ quan đã được các bên chỉ định thực hiện; quy định này không ảnh hưởng đến quyền của bên yêu cầu được chuyển những đề nghị và thông tin qua đường ngoại giao và trong trường hợp cấp bách được chuyển qua Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế nếu có thể được.

9. Các yêu cầu được viết bằng ngôn ngữ mà bên được yêu cầu chấp nhận. Ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ mà mỗi bên chấp nhận phải được thông báo cho Tổng thư ký. Trong trường hợp cấp bách và khi các bên đồng ý thì những yêu cầu đó có thể thực hiện bằng đối chiếu, nhưng sau đó phải được khẳng định bằng văn bản.

10. Yêu cầu về tương trợ tư pháp phải ghi rõ:

a) Tên cơ quan yêu cầu;

b) Đối tượng và tính chất của việc điều tra, truy tố hoặc xét xử được yêu cầu và tên, chức năng của cơ quan tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử;

c) Tóm tắt các dữ kiện liên quan, trừ yêu cầu đòi hỏi tìm hiểu tài liệu xét xử;

d) Nội dung công việc cần được giúp đỡ và những điểm chi tiết về bất kỳ thủ tục cụ thể nào mà bên yêu cầu mong muốn;

e) Nếu có thể được thì cung cấp về lai lịch, chỗ ở và quốc tịch của bất kỳ người nào liên quan;

f) Mục đích của việc thu thập chứng cứ, thông tin hoặc áp dụng các biện pháp.

11. Bên được yêu cầu có thể đề nghị bên yêu cầu cung cấp thêm thông tin cần thiết để thực hiện yêu cầu đó theo đúng pháp luật hiện hành của nước họ hoặc để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện yêu cầu này.

12. Yêu cầu được thực hiện theo đúng pháp luật của bên được yêu cầu và bảo đảm không trái với pháp luật của bên được yêu cầu khi thực hiện các thủ tục do yêu cầu đó đề ra.

13. Bên yêu cầu không được chuyển hoặc không sử dụng những thông tin hoặc chứng cứ do bên được yêu cầu chuyển cho để tiến hành việc điều tra, truy tố hoặc xét xử khác với những điều nêu trong yêu cầu nếu không có sự thoả thuận trước của bên được yêu cầu.

14. Bên yêu cầu có thể đề nghị bên được yêu cầu giữ bí mật về sự việc, nội dung của yêu cầu trừ những điều cần thiết để thực hiện chính yêu cầu đó. Nếu bên được yêu cầu không thể thực hiện được đề nghị giữ bí mật thì phải thông báo ngay cho bên yêu cầu biết.

15. Việc tương trợ tư pháp có thể bị khước từ:

a) Nếu yêu cầu không phù hợp với những quy định của Điều này;

b) Nếu bên được yêu cầu xét thấy việc thực hiện yêu cầu đó sẽ gây tổn hại đến chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hoặc những lợi ích quan trọng khác;

c) Nếu pháp luật của bên được yêu cầu cấm các cơ quan chức năng của mình thực hiện yêu cầu đối với hành vi phạm tội tương tự thuộc thẩm quyền điều tra, truy tố hoặc xét xử của chính các cơ quan đó;

d) Nếu yêu cầu trái với những quy định của hệ thống pháp luật của bên được yêu cầu.

16. Bất kỳ sự khước từ nào trong tương trợ tư pháp đều phải nêu rõ lý do.

17. Bên được yêu cầu có thể trì hoãn việc tương trợ tư pháp với lý do là ảnh hưởng đến tiến trình điều tra truy tố hoặc xét xử. Trong trường hợp này, bên được yêu cầu sẽ trao đổi với bên yêu cầu để xác định xem có thể tiến hành việc tương trợ tư pháp vào thời gian nào và với những điều kiện nào mà bên được yêu cầu cho là cần thiết.

18. Nhân chứng, giám định viên hoặc người nào khác đồng ý cung cấp chứng cứ trước Toà án hoặc giúp việc điều tra, truy tố, xét xử trên lãnh thổ của bên yêu cầu thì không bị khởi tố, bắt giữ, xử phạt hoặc bị hạn chế tự do cá nhân trên lãnh thổ đó về những hành vi vi phạm hoặc kết án trước khi người đó rời khỏi lãnh thổ của bên được yêu cầu. Sự bảo đảm an toàn cá nhân cho những người này sẽ chấm dứt sau 15 ngày hoặc sau một khoảng thời gian nhất định do các bên thoả thuận kể từ ngày những người đó được các cơ quan tư pháp chính thức thông báo là sự có mặt lâu hơn của họ không cần thiết nữa; tuy nhiên những người này có thể tự nguyện ở lại hoặc rời khỏi lãnh thổ nước đó.

19. Bên được yêu cầu sẽ chịu mọi chi phí thông thường đối với việc giải quyết yêu cầu trừ khi các bên liên quan có thoả thuận khác. Nếu là chi phí lớn hoặc bất thường thì các bên sẽ bàn bạc để xác định thời hạn và điều kiện thực hiện yêu cầu, cũng như quyết định phương thức thanh toán những chi phí đó.

20. Trong trường hợp cần thiết, các bên sẽ xem xét khả năng ký kết những hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương để đáp ứng mục tiêu của Điều này cũng như bảo đảm và nâng cao hiệu lực thực tế của nó.

Điều 8. Chuyển giao tài liệu hồ sơ vụ án

Các bên xem xét khả năng chuyển giao cho nhau các tài liệu hồ sơ để truy cứu trách nhiệm hình sự các hành vi phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 3, nếu thấy việc chuyển giao là lợi ích của hoạt động tư pháp.

Điều 9. Những hình thức hợp tác và đào tạo khác

1. Các bên hợp tác chặt chẽ với nhau phù hợp với hệ thống hành chính và luật pháp riêng của mỗi bên nhằm nâng cao hiệu quả của việc thi hành pháp luật để trấn áp các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 3. Đặc biệt các bên dựa trên cơ sở những hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương sẽ;

a) Thiết lập và duy trì các kênh liên lạc giữa các cơ quan có thẩm quyền với nhau nhằm tạo điều kiện an toàn và trao đổi nhanh những thông tin liên quan đến mọi khía cạnh của các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 3, kể cả những thông tin liên quan đến những hoạt động phạm tội khác nếu các bên liên quan cho là thích hợp.

b) Hợp tác với nhau trong việc điều tra các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 3 có tính chất quốc tế nhằm làm rõ:

i) Nhân thân, nơi cư trú và hoạt động của những người bị tình nghi tham gia vào các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 3;

ii) Việc di chuyển những thu nhập hoặc tài sản có được do phạm các tội nói trên;

iii) Việc di chuyển các chất ma tuý, các chất hướng thần, các chất quy định trong Bảng I và II Công ước này và các công cụ đã sử dụng hoặc dự định sử dụng để phạm tội.

c) Thành lập những đội phối hợp để điều tra trong trường hợp cần thiết và không trái với pháp luật của mỗi bên; chú ý đến sự cần thiết bảo vệ an toàn cho người và quá trình hoạt động nhằm thực hiện các quy định của khoản này. Viên chức của bất kỳ bên nào tham gia các đội đó sẽ hoạt động theo sự uỷ quyền của các cơ quan có thẩm quyền thích hợp của bên nơi đang tiến hành những hoạt động phối hợp điều tra. Trong tất cả các trường hợp như vậy các bên liên quan đảm bảo hoàn toàn tôn trọng chủ quyền của bên nơi tiến hành hoạt động phối hợp điều tra.

d) Trong trường hợp cần thiết, cung cấp mẫu các chất với số lượng cần thiết để nghiên cứu phân tích hoặc điều tra;

e) Tạo điều kiện cho việc phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan trực thuộc, và tăng cường trao đổi nhân viên và các chuyên gia khác, kể cả bố trí các nhân viên liên lạc.

2. Trong giới hạn cần thiết mỗi bên xây dựng thực hiện hoặc hoàn thiện các chương trình cụ thể về đào tạo nhân viên các cơ quan hành pháp và các cơ quan khác kể cả lực lượng hải quan chịu trách nhiệm ngăn chặn các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 3. Những chương trình đào tạo đó đề cập đến những điểm cụ thể sau đây:

a) Các phương pháp phát hiện và ngăn chặn các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 3;

b) Các tuyến đường buôn bán và các phương tiện mà các đối tượng bị nghi ngờ là liên quan đến các hành vi phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 3 đã sử dụng đặc biệt là tại các nước quá cảnh và các biện pháp đối phó thích hợp;

c) Kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu các chất ma túy, các chất hướng thần, các chất trong Bảng I và Bảng II;

d) Phát hiện và giám sát việc di chuyển thu nhập và tài sản do phạm tội mà có, các chất ma túy, chất hướng thần và các chất trong Bảng 1, Bảng II, các dụng cụ đã sử dụng hoặc dự định sử dụng để phạm các tội quy định tại khoản 1 Điều 3.

e) Cách thức chuyển giao, cất giấu hoặc ngụy trang những thu nhập, tài sản và những dụng cụ đó.

f) Thu thập chứng cứ;

g) Phương pháp kiểm soát những vùng buôn bán tự do và cảng tự do;

h) Các kỹ thuật hiện đại bảo vệ pháp luật.

3. Các bên giúp đỡ lẫn nhau lập kế hoạch và thực hiện các chương trình nghiên cứu và đào tạo chuyên gia nhằm trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ trong các lĩnh vực nói tại khoản 2 Điều này và khi cần thiết các bên có thể tổ chức các Hội nghị khu vực và quốc tế, các Hội thảo để tăng cường sự hợp tác và thảo luận những vấn đề các bên cùng quan tâm, kể cả những vấn đề đặc biệt và những điều cần thiết của các nước quá cảnh.

Điều 10. Hợp tác và tương trợ quốc tế đối với các nước quá cảnh

1. Các bên hợp tác trực tiếp hoặc thông qua những tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực có thẩm quyền để giúp đỡ và hỗ trợ này trong chừng mực có thể được thì thông qua những chương trình hợp tác kỹ thuật trong việc ngăn chặn buôn bán bất hợp pháp, cũng như thực hiện các hoạt động liên quan khác.

2. Các bên có thể nhận trách nhiệm trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực có thẩm quyền để giúp đỡ về tài chính cho các nước quá cảnh nhằm mở rộng và củng cố cơ sở hạ tầng cần thiết cho việc kiểm soát và ngăn chặn có hiệu quả hoạt động buôn bán bất hợp pháp.

3. Các bên có thể ký kết những hiệp định hoặc thoả thuận song phương hoặc đa phương nhằm tăng cường sự hợp tác quốc tế có hiệu quả theo Điều này và có thể xem xét những thoả thuận về tài sản đối với vấn đề này.

Điều 11. Chuyển giao hàng hoá có kiểm soát

1. Nếu những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật riêng mỗi nước cho phép các bên thực hiện các biện pháp cần thiết với khả năng của mình trong việc sử dụng kỹ thuật chuyển giao hàng hoá có kiểm soát ở mức độ quốc tế trên cơ sở những hiệp định hoặc thoả thuận giữa các bên nhằm phát hiện có liên quan đến các hành vi phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 3 và pháp lý trừng phạt họ.

2. Những quyết định sử dụng biện pháp chuyển giao có kiểm soát này được tiến hành theo từng vụ cụ thể và khi cần thiết các bên liên quan có thể xem xét việc thoả thuận về tài chính và những hiểu biết về việc thực hiện quyền tài phán của quốc gia hữu quan.

3. Khi có sự đồng ý của các bên liên quan thì những kiện hàng phải chịu sự kiểm soát gửi bất hợp pháp này có thể bị giữ lại và cho phép tiếp tục chuyển đi đối với các chất ma tuý hoặc chất hướng thần còn nguyên vẹn hoặc đã bị thay đổi hoặc bị thay thế toàn bộ hay từng phần.

Điều 12. Các chất thông dụng trong điều chế bất hợp pháp các chất ma tuý hoặc các chất hướng thần

1. Các bên áp dụng những biện pháp thích hợp để phòng ngừa việc chuyển các chất trong Bảng I và Bảng II để dùng vào việc điều chế bất hợp pháp các chất ma tuý hoặc các chất hướng thần và hợp tác với nhau để đạt được mục đích này.

2. Nếu một bên hoặc Ban có thông tin mà theo họ có thể đề nghị đưa một chất nào đó vào trong Bảng I hoặc Bảng II thì phải thông báo cho Tổng thư ký và chuyển toàn bộ thông tin đó cho Tổng thư ký biết. Thủ tục quy định ở các khoản từ 2 đến 7 của Điều này cũng được áp dụng khi một bên hoặc ban có thông tin chứng minh việc loại bỏ một chất ra khỏi Bảng I hoặc Bảng II hoặc chuyển một chất từ Bảng này sang Bảng kia.

3. Tổng thư ký chuyển các thông báo và bất kỳ thông tin nào mà mình cho là liên quan đến các bên, các Uỷ ban, đồng thời thông báo thông tin đó cho Ban.

Các bên thông báo lại cho Tổng thư ký ý kiến của mình và bản thông báo đó cùng với các thông tin bổ sung mà có thể giúp cho ban tiến hành đánh giá và giúp cho Ủy ban ra quyết định.

4. Nếu Ban chú ý đến tầm quan trọng và tính đa dạng của việc sử dụng hợp pháp một chất, khả năng và điều kiện sử dụng các chất thay thế với cả hai mục đích điều chế hợp pháp và bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần mà thấy rằng :

a) Chất đó là thông dụng trong điều chế bất hợp pháp các chất ma túy hoặc các chất hướng thần;

b) Số lượng và quy mô điều chế bất hợp pháp các chất ma túy hoặc các chất hướng thần gây ra những vấn đề trầm trọng về sức khỏe cộng đồng và xã hội, do đó cần có những biện pháp ở tầm quốc tế thì Ban thông báo cho Ủy ban kết quả đánh giá chất đó, kể cả việc đưa chất này vào danh mục các chất ở Bảng I hoặc Bảng II để điều chế hợp pháp và bất hợp pháp cũng như khuyến nghị các biện pháp kiểm soát cần thiết nếu Ban thấy phù hợp với sự đánh giá đó.

5. Sau khi xem xét những nhận xét của các bên gửi lên và những khuyến nghị của Ban nếu Ủy ban đánh giá những nhận xét và khuyến nghị đó có ý nghĩa về mặt khoa học cùng với những yếu tố khác thì Ủy ban có thể thông qua quyết định với 2/3 số thành viên nhất trí đưa chất đó vào danh mục các chất ở Bảng I hoặc Bảng II.

6. Bất kỳ quyết định nào của Ủy ban được thông qua theo Điều này cũng được Tổng thư ký thông báo cho tất cả các bên đã và đang chuẩn bị tham gia công ước này, đồng thời thông báo cho Ban. Sau 180 ngày kể từ ngày thông báo, quyết định đó sẽ có hiệu lực đối với các bên.

7. (a) Những quyết định của Ủy ban được thông báo theo điều này có thể được Hội đồng xem xét lại trên cơ sở đề nghị của bất kỳ bên nào được đưa ra trong vòng 180 ngày kể từ ngày thông báo quyết định đó. Đề nghị xem xét lại được gửi tới Tổng thư ký cùng với những thông tin liên quan là cơ sở cho yêu cầu xem xét lại.

b) Tổng thư ký chuyển bản sao yêu cầu xem xét lại cùng với những thông tin liên quan của bên yêu cầu cho Ủy ban, Ban và tất cả các bên đồng thời đề nghị có ý kiến trong thời hạn 90 ngày. Tất cả những ý kiến đó được trình lên Hội đồng để xem xét.

c) Hội đồng có thể khẳng định hoặc bãi bỏ quyết định của Ủy ban Quyết định của Hội đồng được thông báo cho tất cả các nước và các tổ chức đã và đang chuẩn bị trở thành các bên của Công ước này, cho Ủy ban và Ban.

8. a) Các bên thực hiện những biện pháp cần thiết để kiểm soát việc điều chế và lưu hành các chất trong Bảng I và Bảng II Công ước này mà không làm tổn hại đến nội dung các quy định trong khoản 1 Điều này và các quy định trong Công ước 1961, Công ước 1961 sửa đổi và Công ước 1971.

b) Để thực hiện các biện pháp đó các bên có thể:

i) Kiểm soát tất cả những người và doanh nghiệp đang điều chế và cung cấp các chất này;

ii) Kiểm soát theo giấy phép các cơ sở sản xuất và kinh doanh mà ở đó các chất này có thể được điều chế hoặc phân phối.

iii) Yêu cầu tất cả những người xin giấy phép phải xin phép tiến hành các hoạt động nói trên;

iv) Ngăn chặn việc những người điều chế và những người cung cấp tích tụ các chất này với số lượng vượt quá yêu cầu kinh doanh bình thường và điều kiện thị trường hiện tại.

9. Đối với các chất quy định trong Bảng I và Bảng II, các bên có thể áp dụng những biện pháp sau đây :

a) Thiết lập và duy trì hệ thống giám sát việc buôn bán quốc tế đối với các chất trong Bảng I và Bảng II nhằm tạo điều kiện cho việc phát hiện những việc chuyển giao có nghi vấn. Những hệ thống giám sát này được áp dụng với sự hợp tác chặt chẽ của những người điều chế, người xuất khẩu, người nhập khẩu, người bán buôn, bán lẻ là những người có thể thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền biết về những đơn đặt hàng và vận chuyển có nghi vấn;

b) Quy định việc thu giữ bất kỳ chất nào có trong Bảng I hoặc Bảng II nếu có chứng cứ rõ ràng rằng chất đó được dùng vào điều chế trái phép các chất ma túy hoặc các chất hướng thần;

c) Thông báo ngay cho các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan trực thuộc của các bên có liên quan nếu có cơ sở tin rằng việc xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh một chất trong Bảng I hoặc Bảng II sẽ được dùng vào việc điều chế bất hợp pháp các chất ma túy hoặc các chất hướng thần kể cả những thông tin đặc biệt về phương thức thanh toán và bất kỳ yếu tố quan trọng nào khác bổ sung cho thông tin đó.

d) Yêu cầu để các chất khi xuất khẩu, nhập khẩu phải được dán nhãn kèm theo chứng từ hợp lệ. Những tài liệu thương mại như vận đơn, bản kê khai hàng, giấy tờ hải quan; phương tiện vận chuyển và những giấy tờ khác liên quan đến hàng hoá phải ghi tên các chất liệt kê trong Bảng I hoặc Bảng II đang được xuất khẩu hoặc nhập khẩu, số lượng xuất khẩu hoặc nhập khẩu, tên và địa chỉ người xuất khẩu, nhập khẩu hàng và cả tên người nhận nếu có;

g) Bảo đảm để những tài liệu quy định trong điểm (d) khoản này được lưu giữ trong thời gian ít nhất là 2 năm và có thể xuất trình trước các cơ quan có thẩm quyền để thanh tra.

10. a) Bổ sung các quy định trong khoản 9 và theo yêu cầu của một bên gửi cho Tổng thư ký, mỗi bên có xuất khẩu một chất nào đó trong Bảng I phải bảo đảm để trước khi xuất khẩu, các cơ quan có thẩm quyền của mình phải cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền của bên nhập khẩu những thông tin sau đây:

i) Tên và địa chỉ của người xuất khẩu và nhập khẩu và cả tên người nhận nếu có;

ii) Tên của chất ghi trong Bảng I;

iii) Số lượng chất được xuất khẩu;

iv) Địa điểm dự định nhập cảnh và ngày dự định khách hàng:

b) Mỗi bên có thể thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ nghiêm khắc hơn so với những quy định trong khoản này nếu bên đó cho rằng những biện pháp đó là cần thiết hoặc thích đáng.

11. Khi một bên cung cấp thông tin cho bên khác theo quy định của các khoản 1 và 10 Điều này thì bên cung cấp thông tin có thể yêu cầu bên nhận thông tin giữ bí mật kinh doanh, buôn bán hoặc bí mật nghề nghiệp.

12. Mỗi bên của Công ước hàng năm gửi báo cáo cho ban theo mẫu và cách thức do ban quy định với các thông tin sau:

a) Số vụ bắt giữ các chất trong Bảng 1 và Bảng II khi biết rõ nguồn gốc;

b) Bất kỳ chất nào ngoài danh sách liệt kê trong Bảng I hoặc Bảng II đang được sử dụng vào việc điều chế bất hợp pháp các chất ma túy hoặc các chất hướng thần, và bên đó cho rằng đây là vấn đề rất nghiêm trọng cần lưu ý Ủy ban;

c) Các hình thức chuyển hoá và cách thức điều chế bất hợp pháp.

13. Hàng năm Ban thông báo cho Ủy ban về việc thực hiện điều này, và Ủy ban theo định kỳ xem xét lại tính thích hợp và sự phù hợp của Bảng I và Bảng II.

14. Những quy định của Điều này không áp dụng đối với các dược phẩm cũng như những chế phẩm có chứa các chất trong Bảng I hoặc Bảng II và những chất này được pha chế theo cách thức không dễ dàng sử dụng hoặc không tách ra bằng những phương tiện thông dụng.

Điều 13. Nguyên liệu và thiết bị

Các bên áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa việc buôn bán và chuyển hoá những nguyên liệu và thiết bị dùng vào việc sản xuất hoặc điều chế trái phép các chất ma túy và các chất hướng thần và hợp tác với nhau để đạt được mục đích này.

Điều 14. Các biện pháp nhằm loại trừ việc trồng trái phép các loại cây có các chất ma túy và nhằm xoá bỏ nhu cầu sử dụng trái phép các chất ma túy và các chất hướng thần

1. Theo Công ước này, bất kỳ biện pháp nào mà các bên áp dụng không được ít nghiêm khắc hơn so với những quy định về loại trừ việc trồng trái phép các loại cây có chất ma túy và chất hướng thần, cũng như việc xoá bỏ nhu cầu sử dụng trái phép các chất ma túy và các chất hướng thần quy định trong Công ước 1961, Công ước 1961 sửa đổi và Công ước 1971.

2. Mỗi bên áp dụng những biện pháp thích hợp để ngăn ngừa việc trồng trái phép và để phá bỏ các loại cây có chất hướng thần hoặc các chất hướng thần như cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa trên lãnh thổ của mình. Khi áp dụng các biện pháp này phải bảo đảm tôn trọng các quyền cơ bản của con người và phải tính đến việc sử dụng hợp pháp theo tập tục đối với những nơi có quá trình lịch sử dùng các chất đó, cũng như vì lợi ích bảo vệ môi trường.

3. a) Các bên có thể hợp tác với nhau nhằm nâng cao hiệu quả của những nỗ lực trong việc loại trừ trồng trái phép các cây có chất ma túy. Sự hợp tác đó có thể dưới hình thức kể cả việc giúp đỡ phát triển đồng bộ các vùng nông thôn, bảo đảm thay đổi có hiệu quả việc trồng trái phép các loại cây có chất ma túy. Trước khi thực hiện những chương trình phát triển nông thôn cần tính đến những yếu tố như tiếp cận thị trường, tiềm năng sẵn có và điều kiện kinh tế - xã hội hiện tại. Các bên có thể thoả thuận với nhau về bất kỳ hình thức hợp tác thích hợp nào khác.

b) Các bên cũng tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin về khoa học, kỹ thuật và tiến hành các Công ước nghiên cứu về loại trừ việc trồng trái phép các loại cây có chất ma túy.

c) Khi các bên có đường biên giới chung, thì sẽ hợp tác với nhau trong việc thực hiện chương trình loại trừ việc trồng trái phép các loại cây có chất ma túy tại những vùng theo đường biên giới của họ.

4. Với mục đích làm giảm sự đau khổ nhân loại và xoá bỏ động cơ vụ lợi trong việc buôn bán bất hợp pháp, các bên áp dụng những biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ hoặc giảm bớt nhu cầu sử dụng trái phép các chất ma túy và các chất hướng thần. Những biện pháp này có thể dựa trên những khuyến nghị của Liên hợp quốc, của các cơ quan chuyên trách của Liên hợp quốc như Tổ chức Y tế thế giới và các tổ chức quốc tế có thẩm quyền khác cũng như dựa trên kế hoạch chiến lược tổng thể được thông qua tại Hội nghị quốc tế về đấu tranh chống lạm dụng và buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy tổ chức năm 1987, trong phạm vi có liên quan tới các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ và hoạt động của các cá nhân và tổ chức trong lĩnh vực phòng ngừa, điều trị và cai nghiện. Các bên có thể ký kết những hiệp định và thoả thuận song phương hoặc đa phương nhằm mục đích xoá bỏ hoặc giảm bớt nhu cầu sử dụng trái phép các chất ma túy và các chất hướng thần.

5. Các bên cũng có thể áp dụng những biện pháp cần thiết để sớm tiêu huỷ hoặc sử dụng bất hợp pháp các chất ma túy, các chất hướng thần và các chất trong Bảng I và II khi những chất đó bị thu giữ hoặc bị tịch thu, cũng như để lấy một số lượng cần thiết các chất đó làm chứng cứ.

Điều 15. Vận chuyển thương mại

1. Các bên áp dụng các biện pháp thích hợp để đảm bảo sao cho các phương tiện giao thông vận tải hàng hoá không được sử dụng để phạm các tội quy định tại khoản Điều 3; những biện pháp này có thể gồm cả những thoả thuận riêng với những người vận chuyển thương mại.

2. Mỗi bên yêu cầu những người vận chuyển buôn bán có biện pháp thích hợp phòng ngừa việc sử dụng phương tiện vận tải của họ để phạm các tội quy định tại khoản 1 Điều 3. Những biện pháp phòng ngừa đó có thể là:

a) Nếu cơ sở buôn bán chính của những người vận chuyển nằm trên lãnh thổ của bên đó;

i) Huấn luyện cho nhân viên để nhận biết được những chuyển hàng hoặc những người nghi vấn;

ii) Khuyến khích tính chính trực của nhân viên;

b) Nếu người vận chuyển đang hoạt động trong lãnh thổ của bên đó;

i) Khi có thể, cần chuyển bản kê khai hàng hoá trước;

ii) Sử dụng những kẹp chỉ niêm phong riêng biệt trên các công-tonơ;

iii) Kịp thời báo cáo cho các cơ quan có thẩm quyền về tất cả những dấu hiệu nghi vấn có thể liên quan tới những hành vi phạm tội quy định tại Khoản 1 Điều 3.

3. Mỗi bên tìm cách bảo đảm rằng những người vận chuyển và các cơ quan có thẩm quyền ở những điểm xuất cảnh, nhập cảnh và những nơi kiểm soát hải quan sẽ hợp tác nhằm mục đích ngăn ngừa những phương tiện vận tải và chuyển hàng không được phép vận chuyển không đi qua được và nhằm thực hiện những biện pháp an toàn thích hợp.

Điều 16. Những tài liệu thương mại và việc dán nhãn hàng hoá xuất khẩu

1. Mỗi bên yêu cầu để việc xuất khẩu hợp pháp các chất ma tuý và các chất hướng thần phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ. Theo yêu cầu của Điều 31 Công ước 1961, Điều 31 Công ước 1961 sửa đổi và Điều 12 Công ước 1971 thì những giấy tờ thương mại như vận đơn, bản kê khai hàng hoá, giấy tờ hải quan và những tài liệu liên quan đến chất ma tuý và các chất hướng thần trong danh mục của Công ước 1961, Công ước 1961 sửa đổi, Công ước 1971 đang được xuất khẩu số lượng xuất khẩu, tên và địa chỉ của người xuất, nhập khẩu và cả người nhận nếu có.

2. Mỗi bên yêu cầu những chuyển hàng xuất khẩu các chất ma tuý và các chất hướng thần phải dán đúng nhãn.

Điều 17. Buôn bán bất hợp pháp trên biển

1. Các bên hợp tác với nhau ở mức độ cao nhất để ngăn chặn việc buôn bán bất hợp pháp trên biển theo đúng luật biển quốc tế.

2. Khi một bên có căn cứ xác đáng để nghi ngờ một con tàu có treo cờ nước mình hoặc không treo cờ hay đăng ký tham gia vào việc buôn bán bất hợp pháp thì có thể yêu cầu sự giúp đỡ của các bên khác trong việc ngăn chặn hoạt động này. Các bên được yêu cầu sẽ giúp đỡ trong phạm vi phương tiện có thể.

3. Khi một bên có căn cứ xác đáng đề nghị ngừng một con tàu tự do đi lại theo luật hàng hải quốc tế đang treo cờ hoặc có ký hiệu đăng ký của một bên khác đang tham gia vào việc buôn bán bất hợp pháp, thì có thể thông báo cho nước quản lý con tàu đó khẳng định lại việc đăng ký của con tàu và nếu đúng thì yêu cầu nước đó áp dụng những biện pháp thích đáng đối với con tàu.

4. Theo khoản 3 hoặc các điều ước hiện hành giữa các bên theo bất kỳ hiệp định hoặc thoả thuận nào giữa các bên đó, thì nước có cờ treo có thể cho phép nước yêu cầu được:

a) Lên tàu đó;

b) Khám xét tàu đó;

c) Áp dụng những biện pháp thích đáng đối với tàu, người và hàng hoá trên tàu nếu phát hiện thấy các chứng cứ tham gia vào việc buôn bán bất hợp pháp.

5. Khi tiến hành các biện pháp theo Điều này, các bên cần quan tâm đến vấn đề an toàn đối với người, tàu và hàng hoá trên biển, cũng như không gây thiệt hại cho quyền lợi buôn bán bất hợp pháp của nước có cờ treo hoặc của bất kỳ nước liên quan nào khác.

6. Theo nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này, nước có cờ treo có thể cho phép với các điều kiện đã được thoả thuận giữa các bên kể cả những điều kiện liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ.

7. Để thực hiện mục đích quy định tại khoản 3 Điều 4 mỗi bên phải kịp thời trả lời đối với yêu cầu của bên kia nhằm xác định xem chiếc tàu đang treo cờ của nước đó có được phép làm như vậy không, cũng như trả lời yêu cầu về việc cho phép theo quy định tại khoản 3. Khi trở thành một bên tham gia Công ước này, mỗi bên chỉ định một cơ quan hoặc khi cần thiết thì nhiều cơ quan chịu trách nhiệm nhận và trả lời những yêu cầu này. Việc chỉ định các cơ quan đó được thông báo cho tất cả các bên thông qua Tổng thư ký trong vòng một tháng sau khi chỉ định.

8. Mỗi bên khi có bất kỳ hành động nào theo quy định của Điều này, phải thông báo ngay cho nước có đăng ký treo cờ về kết quả hành động đó.

9. Các bên xem xét vấn đề ký kết những hiệp định hoặc thoả thuận song phương và khu vực nhằm thực hiện quy định của Điều này hoặc nâng cao hiệu quả của chúng.

10. Những biện pháp áp dụng theo quy định của khoản 4 Điều này chỉ tiến hành bằng tàu chiến hoặc máy bay quân sự hoặc những tàu hoặc máy bay khác có ký hiệu rõ ràng là phục vụ cho Chính phủ và được uỷ quyền làm việc này.

11. Bất kỳ hoạt động nào tiến hành theo quy định của Điều này cũng phải được cân nhắc để không can thiệp hoặc gây ảnh hưởng xấu tới quyền và nghĩa vụ, cũng như quyền tài phán của những nước ven biển theo đúng luật biển quốc tế.

Điều 18. Vùng buôn bán tự do và cảng tự do

1. Để ngăn chặn việc buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy, các chất hướng thần và các chất ghi trong Bảng I và Bảng II, các bên áp dụng tại các vùng buôn bán tự do và cảng tự do các biện pháp nghiêm khắc như đối với những nơi khác trên lãnh thổ của mình.

2. Các bên cố gắng:

a) Kiểm soát việc di chuyển hàng hoá và người trong vùng buôn bán tự do và cảng tự do. Để làm việc này, các bên giao quyền cho các cơ quan có thẩm quyền khám xét hàng hoá và các tàu vận tải ra vào vùng đó, bao gồm cả tàu du lịch, tàu đánh cá, cũng như các máy bay và xe hơi và khi cần thiết thì khám xét cả nhân viên trên phương tiện đó, hành khách và hành lý của họ.

b) Thiết lập và sử dụng hệ thống phát hiện hàng hoá có nghi ngờ chứa các chất ma túy, các chất hướng thần và các chất ghi trong Bảng I và Bảng II được nhập vào hoặc xuất ra khỏi vùng buôn bán tự do và cảng tự do;

c) Thiết lập và sử dụng hệ thống kiểm soát ở các hải cảng, sân bay và những điểm kiểm soát biên phòng tại các vùng đó.

Điều 19. Sử dụng phương tiện bưu chính

1. Theo nghĩa vụ quy định trong Công ước của Hiệp hội bưu chính thế giới và theo những nguyên tắc cơ bản của hệ thống pháp luật của mình, các bên áp dụng các biện pháp ngăn chặn việc sử dụng phương tiện bưu chính để buôn bán bất hợp pháp và hợp tác với nhau vì mục đích này.

2. Các biện pháp nói trong khoản 1 Điều này gồm:

a) Hoạt động phối hợp nhằm phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng phương tiện bưu chính để buôn bán bất hợp pháp;

b) Các nhân viên cơ quan bảo vệ pháp luật có thẩm quyền ứng dụng và sử dụng các kỹ thuật điều tra và kiểm soát để phát hiện việc vận chuyển bất hợp pháp các chất ma túy, các chất hướng thần và các chất trong Bảng I và Bảng II bằng phương tiện bưu chính.

e) Các biện pháp pháp luật cho phép sử dụng các phương tiện thích hợp để tạo điều kiện cho việc thu thập chứng cứ cần thiết cho việc xử lý hình sự.

Điều 20. Việc cung cấp thông tin của các bên

1. Thông qua Tổng thư ký, các bên cung cấp thông tin cho Ủy ban về việc thực hiện Công ước này trên lãnh thổ của mình, đặc biệt là:

a) Các văn bản pháp luật và điều lệ đã được ban hành để bảo đảm thực hiện Công ước này;

b) Nội dung chi tiết của những vụ buôn bán bất hợp pháp thuộc quyền tài phán của mình mà các bên cho là quan trọng liên quan đến xu hướng phát triển, số lượng, nguồn gốc của chất thu được hoặc thủ đoạn buôn bán bất hợp pháp.

2. Các bên cung cấp những thông tin đó theo cách thức và thời gian do Ủy ban yêu cầu.

Điều 21. Chức năng của Ủy ban

Ủy ban có thẩm quyền xem xét tất cả những vấn đề thuộc mục đích của Công ước này, và đặc biệt là:

a) Trên cơ sở những thông tin do các bên trình lên theo Điều 2, Ủy ban theo dõi việc thực hiện Công ước này;

b) Ủy ban có thể đưa ra những đề nghị và khuyến nghị chung trên cơ sở xem xét những thông tin do các bên gửi tới;

c) Ủy ban có thể lưu ý Ban về bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến chức năng của Ban đó;

d) Đối với bất kỳ vấn đề nào mà Ban đề nghị với Ủy ban theo điểm (b) khoản 1 Điều 22, Ủy ban có thể thực hiện những hoạt động thấy là thích hợp.

e) Theo thủ tục quy định tại Điều 12, Ủy ban có thể sửa đổi Bảng I và Bảng III

i) Ủy ban có thể lưu ý các nước chưa phải là các bên của Công ước về những quyết định và khuyến nghị đã thông qua theo Công ước này để họ tham khảo khi hành động sao cho phù hợp với Công ước.

Điều 22. Chức năng của Ban

1. Không làm tổn hại đến chức năng của Ủy ban theo Điều 21 và cũng không làm tổn hại đến chức năng của Ban và Ủy ban theo Công ước 1961, Công ước 1961 sửa đổi, và Công ước 1971;

a) Nếu trên cơ sở xem xét những thông tin nhận được và những thông tin gửi cho Tổng thư ký hoặc cho Ủy ban hoặc những thông tin do Tổ chức Liên hợp quốc chuyển đến, Ban có căn cứ tin rằng những mục đích của Công ước này trong các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Ban vẫn chưa được đáp ứng thì Ban có thể mời một bên hoặc nhiều bên cung cấp theo bất kỳ thông tin nào phù hợp.

b) Đối với các Điều 12, 13 và 16:

i) Sau khi tiến hành các biện pháp theo quy định của điểm (a) Điều này, nếu thấy cần thiết thì Ban có thể yêu cầu bên liên quan áp dụng những biện pháp sửa đổi cho phù hợp với những điều kiện thực tế để thực hiện các quy định của các điều 12, 13 và 16;

ii) Trước khi thực hiện các biện pháp theo điểm (iii) dưới đây Ban bảo đảm giữ bí mật việc liên lạc với bên liên quan theo những điểm nói trên;

iii) Nếu Ban thấy bên liên quan không áp dụng những biện pháp sửa đổi như họ đã được yêu cầu theo điểm này, thì Ban có thể lưu ý các bên khác, Hội đồng và Ủy ban quan tâm đến vấn đề này. Bất kỳ báo cáo nào do Ban công bố

theo điểm này cũng phải nêu ý kiến của bên liên quan nếu bên này có yêu cầu như vậy.

2. Bất kỳ bên nào được mời cũng có đại diện tại hội nghị của Ban xem xét vấn đề liên quan trực tiếp tới bên đó.

3. Nếu trong trường hợp một quyết định của Ban được thông qua theo Điều này mà không hoàn toàn nhất trí thì ý kiến thiểu số cũng phải được ghi rõ.

4. Những quyết định của Ban theo Điều này được thông qua với 2/3 số ủy viên của Ban đồng ý.

5. Để thực hiện những chức năng đúng với khoản 1 (a) điều này, Ban đảm bảo giữ bí mật toàn bộ những thông tin mà Ban có thể thu được.

6. Theo Điều này, Ban không có trách nhiệm đối với việc thực hiện những hiệp định hoặc thỏa thuận mà các bên đã ký với nhau theo quy định của Công ước này.

7. Những quy định của Điều này không áp dụng đối với những bất đồng giữa các bên theo quy định của Điều 32.

Điều 23. Báo cáo của Ban

1. Ban chuẩn bị báo cáo hàng năm về những công việc của Ban, trong đó phân tích thông tin và trong trường hợp cần thiết, giải thích về những yêu cầu của các bên cùng với bất kỳ kiến nghị hoặc khuyến nghị nào mà Ban muốn đưa ra. Ban có thể chuẩn bị những báo cáo bổ sung khi cần thiết. Các báo cáo được trình lên hội đồng thông qua Ủy ban để Ủy ban có thể cho ý kiến nhận xét nếu thấy cần thiết.

2. Các báo cáo của Ban được thông báo cho các bên của Công ước và sau đó được Tổng thư ký công bố. Các bên cho phép phổ biến không hạn chế các báo cáo này.

Điều 24. Áp dụng những biện pháp nghiêm khắc hơn những biện pháp mà Công ước này yêu cầu

Mỗi bên của Công ước có thể áp dụng những biện pháp chặt chẽ và nghiêm khắc hơn những biện pháp quy định trong Công ước này, nếu họ thấy những biện pháp đó là thích đáng hoặc cần thiết đối với việc phòng ngừa và ngăn chặn buôn bán bất hợp pháp.

Điều 25. Bảo toàn các quyền và nghĩa vụ theo các điều ước trước

Những quy định của Công ước này không làm tổn hại đến bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của các bên Công ước này theo Công ước 1961, Công ước 1961 sửa đổi và Công ước 1971.

Điều 26. Ký Công ước

Công ước này được mở để ký tại Văn phòng Liên hợp quốc tại Viên từ ngày 20 tháng 12 năm 1988 đến ngày 28 tháng 02 năm 1989; sau đó được ký

tiếp tại trụ sở chính của Liên hợp quốc tại New York cho tới ngày 20 tháng 12 năm 1989 bởi:

- a) Tất cả các quốc gia;
- b) Namibia, do Hội đồng về Namibia của Liên hợp quốc đại diện;
- c) Các tổ chức thống nhất kinh tế khu vực có thẩm quyền đàm phán, kết luận và áp dụng những hiệp định quốc tế về những vấn đề mà Công ước này đề cập; giới thiệu Công ước này cho các bên, các quốc gia hoặc các cơ quan của quốc gia đang tham gia hoạt động trong các tổ chức này theo thẩm quyền của mình.

Điều 27. *Phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc hành vi khăng định chính thức*

1. Công ước này phải được các quốc gia và Namibia do Hội đồng Namibia của Liên hợp quốc đại diện phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt và phải được các tổ chức thống nhất kinh tế khu vực quy định tại khoản (c) Điều 26 khăng định chính thức. Các văn kiện về phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt cũng như văn kiện về khăng định chính thức phải được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký.

2. Trong các văn kiện về sự khăng định chính thức, các tổ chức thống nhất kinh tế khu vực thông báo về phạm vi thẩm quyền của mình đối với các vấn đề mà Công ước này đề cập. Những tổ chức này cũng thông báo cho Tổng thư ký về mọi điều sửa đổi trong phạm vi thẩm quyền của mình đối với những vấn đề quy định trong Công ước này.

Điều 28. *Gia nhập Công ước*

1. Công ước này vẫn mở để bất kỳ quốc gia nào, Namibia do Hội đồng về Namibia của Liên hợp quốc đại diện và các tổ chức thống nhất kinh tế khu vực nói tại điểm (c) Điều 26 gia nhập. Việc gia nhập Công ước được tiến hành bằng cách nộp lưu chiểu văn kiện gia nhập cho Tổng thư ký.

2. Trong các văn kiện gia nhập các tổ chức thống nhất kinh tế khu vực tuyên bố về phạm vi thẩm quyền của mình đối với những vấn đề mà Công ước này quy định. Các tổ chức này cũng thông báo cho Tổng thư ký mọi điều sửa đổi trong phạm vi thẩm quyền của họ đối với những vấn đề mà Công ước này quy định.

Điều 29. *Hiệu lực Công ước*

1. Công ước này có hiệu lực từ ngày thứ 90 kể từ ngày được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký văn kiện thứ 20 về việc phê chuẩn, chấp thuận phê duyệt hoặc việc tham gia của các quốc gia hoặc của Namibia do Hội đồng về Namibia đại diện.

2. Đối với mỗi quốc gia hoặc Namibia do Hội đồng về Namibia đại diện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc tham gia Công ước sau ngày văn kiện thứ 20 về việc phê chuẩn, chấp thuận, thông qua hoặc tham gia được lưu chiểu

thì Công ước sẽ có hiệu lực sau 90 ngày kể từ ngày văn kiện phê chuẩn, chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập được lưu chiếu.

3. Đối với mỗi tổ chức thống nhất kinh tế khu vực nói tại điểm (c) Điều 26 nộp lưu chiếu văn kiện liên quan đến việc khẳng định hoặc văn kiện về việc gia nhập Công ước, thì Công ước sẽ có hiệu lực từ ngày thứ 90 sau ngày nộp lưu chiếu văn kiện đó hoặc vào ngày Công ước bắt đầu có hiệu lực theo Khoản 1 Điều này, nếu thời điểm Công ước có hiệu lực xảy ra sau ngày thứ 90 kể từ ngày nộp lưu chiếu văn kiện.

Điều 30. *Hủy bỏ Công ước*

1. Mỗi bên có thể tuyên bố hủy bỏ Công ước này vào bất kỳ thời gian nào bằng cách gửi văn bản thông báo cho Tổng thư ký.

2. Việc hủy bỏ này có hiệu lực đối với bên tuyên bố sau một năm kể từ khi Tổng thư ký nhận được thông báo.

Điều 31. *Sửa đổi Công ước*

1. Mỗi bên có thể đề nghị sửa đổi Công ước này. Nội dung đề nghị sửa đổi và những lý do đề nghị sửa đổi được thông báo cho Tổng thư ký, sau đó Tổng thư ký thông báo cho các bên khác và yêu cầu họ cho ý kiến đồng ý hay không đối với đề nghị sửa đổi đó. Nếu việc đề nghị sửa đổi không bị một bên nào phản đối, thì trong vòng 24 tháng kể từ ngày đề nghị sửa đổi được chuyển đến các bên, được coi là chấp nhận và sẽ có hiệu lực đối với bất kỳ bên nào sau 90 ngày kể từ khi bên đó gửi cho Tổng thư ký văn kiện đồng ý với điều sửa đổi này.

2. Nếu việc đề nghị sửa đổi bị bất kỳ một bên nào phản đối thì Tổng thư ký tham khảo ý kiến của các bên khác và theo yêu cầu của đa số các bên, Tổng thư ký thông báo vấn đề này cùng với những kiến nghị của các bên đó cho Hội đồng, Hội đồng có thể quyết định tổ chức một Hội nghị theo quy định của Khoản 4 Điều 62 Hiến chương Liên hợp quốc. Mọi điều sửa đổi được thông qua tại Hội nghị này phải được ghi vào Nghị định thư về việc sửa đổi. Việc đồng ý chịu sự ràng buộc của Nghị định thư sẽ phải được hiển thị rõ ràng cho Tổng thư ký.

Điều 32. *Giải quyết tranh chấp*

1. Trong trường hợp có tranh chấp nảy sinh giữa hai hoặc nhiều bên về việc giải thích hoặc áp dụng Công ước này, các bên sẽ tham khảo lẫn nhau để giải quyết tranh chấp qua đàm phán, thẩm tra, trung gian, hoà giải, trọng tài, nhờ các tổ chức khu vực, qua xét xử tư pháp hoặc bằng các giải pháp hoà bình khác mà họ lựa chọn.

2. Bất kỳ tranh chấp nào như trên mà không thể giải quyết theo cách thức quy định tại khoản 1 Điều này thì theo yêu cầu của bất kỳ bên tranh chấp nào, tranh chấp được chuyển đến Tòa án quốc tế để giải quyết.

3. Nếu một tổ chức thống nhất kinh tế khu vực nào nói tại điểm (c) Điều 26 là một bên tranh chấp mà tranh chấp đó không thể giải quyết theo cách thức quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức này có thể thông qua một quốc gia thành viên của Liên hợp quốc yêu cầu Hội đồng đề nghị Toà án quốc tế có ý kiến tư vấn theo đúng Điều 65 quy chế Toà án quốc tế. Ý kiến của Toà án quốc tế được coi là quyết định.

4. Mỗi quốc gia khi ký kết hoặc phê chuẩn, chấp thuận hoặc phê duyệt Công ước này, hoặc khi gia nhập Công ước, cũng như mỗi tổ chức thống nhất kinh tế khu vực khi ký hoặc gửi văn bản về khẳng định chính thức hoặc tham gia Công ước có thể tuyên bố rằng họ không bị ràng buộc bởi các Khoản 2 và 3 Điều này. Những bên khác không bị ràng buộc bởi các Khoản 2 và 3 trong quan hệ đối với bất kỳ bên nào đã tuyên bố như vậy.

5. Bất kỳ bên nào đã tuyên bố theo khoản 3 Điều này đều có thể rút lại lời tuyên bố vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách thông báo cho Tổng thư ký.

Điều 33. Văn bản chính thức

Các văn bản của Công ước này trình bày bằng tiếng Ả Rập, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nga và Tây Ban Nha đều có giá trị như nhau.

Điều 34. Lưu trữ

Tổng thư ký là người chịu trách nhiệm lưu trữ Công ước này. Để làm bằng chứng, những người được uỷ quyền hợp lệ đã ký Công ước này.

Làm tại Viên thành một bản gốc, ngày 20 tháng 12 năm 1988.

